|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **Số: 18/ BC-CTMT** |  *Phúc Yên, ngày 09 tháng 05 năm 2014* |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Năm 2013**

I. THÔNG TIN CHUNG

 1. Thông tin khái quát

 - Tên giao dịch: Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Phúc Yên.

 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500144243-CTCP.

 - Vốn điều lệ: 20.739.850.000 đồng.

 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 20.739.850.000 đồng.

 - Địa chỉ: Đường Ql 2 đi làng Mới – P.Hùng Vương – T.X Phúc Yên – tỉnh Vĩnh Phúc.

 - Số điện thoại: 0211 3854 328; 0211 3511 006.

 - Fax: 0211 3872 542.

 - Website: *moitruongdothipy.com*

 2. Quá trình hình thành và phát triển

 Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Phúc Yên tiền thân là Công ty quản lý nhà và công trình công cộng huyện Mê Linh được UBND thành phố Hà Nội ra quyết định thành lập tháng 4/1984 trên cơ sở sáp nhập Ban kiến thiết 5- Bộ Xây dựng và Phòng Thị chính huyện Mê Linh. Năm 1990, tại Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 14/11/1990 của UBND thành phố Hà Nội đã sáp nhập Công ty quản lý sửa chữa nhà và công trình công cộng huyện Mê Linh với Xí nghiệp xây dựng huyện Mê Linh thành Công ty xây dựng nhà đất đô thị huyện Mê Linh. Năm 1993, Công ty được đổi tên thành Công ty quản lý dịch vụ đô thị Mê Linh. Tháng 10/1999 được đổi tên thành Công ty quản lý đô thị Mê Linh.

 Năm 2004, thị xã Phúc Yên tái lập, Công ty quản lý đô thị Mê Linh được đổi tên thành Công ty Môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên theo quyết định số 413/QĐ-CT ngày 13/02/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

 Năm 2010, UBND tỉnh Vĩnh Phúc có Quyết định chuyển đổi công ty từ 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần theo Nghị định 109/2007/NĐ-CP. Sau gần 1 năm tiến hành các bước theo lộ trình CPH, ngày 24/01/2011 Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, quyết định phương hướng sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011 – 2015 và bầu ra Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.

 Tại Quyết định số 715/QĐ-CT ngày 22/3/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc Công ty được chuyển thành Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Phúc Yên. Ngày 02/06/2011 Công ty chính thức chuyển sang mô hình hoạt động mới. Hiện nay, vốn điều lệ của công ty là 20,739 tỷ đồng trong đó vốn Nhà nước nắm giữ 18,292 tỷ đồng chiếm 88,2%.

 **3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của công ty năm 2013**

Một số ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- Xử lý ôi nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;

- Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nội thị, vỉa hè đường bộ và hệ thống thoát nước đô thị;

- Phun nước chống bụi trên các tuyến đường;

- Quản lý, sửa chữa, vận hành lưới điện chiếu sáng công cộng, đèn trang trí, đèn tín hiệu giao thông các khu vực công ty được giao quản lý;

- Trồng, tu bổ vườn hoa, công viên, cây xanh, dịch vụ hoa tươi, cây cảnh, trang trí, ươm cây giống;

- Xây dựng công trình đường dây điện tới 35KV và trạm biến áp đến 560 KVA;

- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt công trình điện chiếu sáng công cộng, công trình nước sinh hoạt;

- Dịch vụ trông, rửa, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện giao thông đường bộ;

- Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân và dịch vụ tang lễ;

- Thu gom, vận chuyển xử lý chất thải lỏng;

- Xây dựng, sửa chữa nhà ở và các công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Dịch vụ cho thuê xe ô tô;

- Vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ bằng ô tô;

 Hoạt động chính của công ty năm 2013 là: Công ty được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao thực hiện nhiệm vụ công ích trên địa bàn thị xã Phúc Yên. Các nhiệm vụ công ích công ty đang thực hiện gồm: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, duy trì hệ thống cây xanh, duy trì hệ thống thoát nước đô thị, duy trì điện chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, xây dựng, lắp đặt các công trình công cộng...

 **4**. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

***a. Đại Hội đồng cổ đông***

**BAN KIỂM SOÁT**

TỔ THU PHÍ

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**BAN GIÁM ĐỐC**

ĐỘI MÔI TRƯỜNG SỐ 1

TỔ XE VÀ VẬN CHUYỂN

ĐỘI CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG

ĐỘI CÂY XANH SỐ 2

ĐỘI CÂY XANH SỐ 1

ĐỘI MÔI TRƯỜNG SỐ 3

ĐỘI MÔI TRƯỜNG SỐ 2

TỔ THOÁT NƯỚC

TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH

PHÒNG KỸ THUẬT

CÁC ĐỘI SẢN XUẤT

CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG

PHÒNG KẾ HOẠCH

 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ và Pháp luật liên quan quy định, Đại hội đồng cổ đông có các quyền: thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo Tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

 ***b. Hội đồng quản trị***

 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Phúc Yên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông, HĐQT có các quyền như: quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty; quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc; kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ; và các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện nay, HĐQT của Công ty có 05 thành viên bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT, Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

Ông: Nguyễn Huy Hải Chủ tịch HĐQT

Ông: Đặng Văn Vịnh Thành viên HĐQT

Ông: Nguyễn Duy Khanh Thành viên HĐQT

Bà: Phan Thu Trang Thành viên HĐQT

Bà: Nguyễn Thị Huệ Thành viên HĐQT

 ***c. Ban Kiểm soát***

 BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như: kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc; và các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Ban kiểm soát Công ty hiện tại như sau:

Bà: Đặng Thị Bích Vân Trưởng ban

Ông: Ngô Xuân Nhận Thành viên

Ông: Vũ Khắc Thuần Thành viên

 ***d. Ban giám đốc***

 Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, Phó giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc có quyền: tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật; xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty; đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng; ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật; báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty; thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua và các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

Ông: Nguyễn Huy Hải Giám đốc

Ông: Đặng Văn Vịnh Phó Giám đốc

 ***e. Các phòng chức năng***

 Hiện tại Công ty có 04 Phòng chức năng bao gồm: Tổ chức - Hành chính; Tài chính - Kế toán; Phòng Kế hoạch và Phòng Kỹ thuật. Các phòng có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho ban lãnh đạo trong việc điều hành mọi hoạt động kinh doanh của toàn Công ty, Các phòng chức năng có các Trưởng phòng trực tiếp điều hành hoạt động của phòng, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nhiệm vụ của phòng.

 **5. Định hướng phát triển**

###  *a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty*

 - Ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn.

 - Khai thác và sử dụng có hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị hiện có, đầu tư trang bị thêm cơ sở vật chất trang thiết bị đáp ứng yêu cầu SXKD đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh trong cơ chế quản lý mới trên đại bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

###  *b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn*

 - Ổn định sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ công ích trên địa bàn thị xã tìm kiếm và phát triển các dự án mới.

 - Xây dựng khu xử lý rác thải quy mô ổn định, đáp ứng nhu cầu xử lý rác thải trên địa bàn thị xã.

 - Bảo đảm tốt lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cổ đông và đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho người lao động.

### *c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty*

 - Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, đảm bảo mỹ quan đô thị, môi trường Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp trên địa bàn thị xã Phúc Yên.

##  **6. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động SXKD hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của công ty**

 ***a. Rủi ro nền kinh tế***

 Thực trạng nền kinh tế và xu hướng chung trong tương lai có ảnh hưởng đến sự thành công và chiến lược hoạt động của doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn có tốc độ tăng trưởng cao, Công ty có nhiều cơ hội cho đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

 Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây có sự tăng trưởng chậm, giá cả biến động lớn đã tác động trực tiếp đến việc thực hiện SXKD của công ty, một số công việc đã được đặt hàng phải giảm tần suất, giãn tiến độ thực hiện. Sự cạnh tranh địa bàn SXKD ngày càng diễn biến phức tạp, yêu cầu chất lượng phục vụ, quy trình kỹ thuật trong sản xuất ngày càng cao. Các khoản chi thường xuyên cắt giảm tiết kiệm 20%, công tác xây dựng cơ bản gặp nhiều khó khăn do chủ trương hạn chế đầu tư các dự án mới trên địa bàn tỉnh trừ những dự án cấp bách.

 Thêm vào đó, vấn đề bảo vệ môi trường hàng năm luôn được các cơ quan Trung ương, các Bộ, Ban ngành quan tâm và thường xuyên có các hướng chỉ đạo tới các bộ phận ở cấp dưới, các doanh nghiệp trong ngành nâng cao ý thức giữ gìn và cải tạo môi trường nên cơ hội để các doanh nghiệp ngành môi trường phát triển các dịch vụ của mình là rất lớn.

 ***b. Rủi ro về pháp luật***

 Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, pháp luật và các chính sách của nước ta thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế. Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động luôn phải đối mặt với các rủi ro biến động chính sách và quy định pháp luật. Mỗi sự thay đổi của chính sách pháp luật của Nhà nước, chính sách của các hiệp hội…đều tác động ít nhiều đến quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán .... Trong khi các luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty đã đăng ký Công ty đại chúng. Do đó, doanh nghiệp phải thực hiện công bố thông tin theo các văn bản Luật, các thông tư hướng dẫn yêu cầu doanh nghiệp tuân thủ theo đúng thời gian và làm quen dần để nắm bắt các thủ tục này.

###  *c. Rủi ro về đặc thù*

###  Giá cả nguyên vật liệu tăng nhanh, mức lương tối thiểu vùng điều chỉnh, trong khi đơn giá đặt hàng chưa thay đổi phù hợp.

### Thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

 Năm 2013, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức song toàn thể CBCNV công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị được UBND tỉnh, UBND thị xã giao cho. Thị xã Phúc Yên có một diện mạo mới: đường phố ngày càng khang trang, xanh sạch đẹp; điện chiếu sáng công cộng đã chiếu sáng phần lớn các tuyến phố, ngõ xóm; cây hoa, thảm màu được trồng trang trí theo mùa; các công trình phúc lợi công cộng khang trang sạch đẹp, văn minh góp phần xây dựng thị xã Phúc Yên xứng tầm là vùng kinh tế trọng điểm, vị trí cửa ngõ văn hóa chính trị và du lịch của tỉnh Vĩnh Phúc.

 Công ty đã chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các phòng chuyên môn của thị xã để tổ chức sản xuất kinh doanh theo dự kiến đặt hàng. Điều hành sản xuất với các biện pháp tổ chức tích cực, do vậy quá trình sản xuất luôn ổn định từ đầu năm đến cuối năm không bị gián đoạn.

 Các chỉ tiêu chủ yếu:

 Năm 2013 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 47,9 tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm 2012. Trong đó:

* Doanh thu dịch vụ công ích: 37,050 tỷ đồng.
* Doanh thu phí VSMT: 848 triệu đồng.
* Doanh thu xây dựng: 8,1 tỷ đồng.
* Doanh thu khác: 1,9 tỷ đồng.

Doanh thu tài chính: 590 triệu đồng.

Lợi nhuận trước thuế: 3,1 tỷ đồng.

 Thực hiện nộp ngân sách nhà nước: 1.176.187.949 đồng. Trong đó:

* Thuế GTGT: 111.710.120 đồng.
* Thuế TNDN: 1.045.365.354 đồng.
* Thuế TNCN: 16.112.475 đồng.
* Thuế môn bài: 3.000.000 đồng.

Thu nhập bình quân của người lao động: 5.500.000 đồng/người/tháng.

1. **Tổ chức và nhân sự:**

***a. Danh sách ban điều hành***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Số CP sở hữu, NN ủy quyền tại ngày 31/12/2013** |
| **CP sở hữu** | **NN ủy quyền** |
| **I** | **HĐQT** |  |  |  |
| 1 | Nguyễn Huy Hải | Chủ tịch HĐQT | 11.800 | 823.152 |
| 2 | Đặng Văn Vịnh | Thành viên HĐQT | 10.200 | 457.306 |
| 3 | Nguyễn Thị Huệ | Thành viên HĐQT | 1.400 | 182.922 |
| 4 | Nguyễn Duy Khanh | Thành viên HĐQT | 3.200 | 182.922 |
| 5 | Phan Thu Trang | Thành viên HĐQT | 1.400 | 182.922 |
| **II** | **Ban kiểm soát** |  |  |  |
| 1 | Đặng Thị Bích Vân | Trưởng BKS | 1.200 |  |
| 2 | Vũ Khắc Thuần | Thành viên BKS | 3.300 |  |
| 3 | Ngô Xuân Nhận | Thành viên BKS | 3.800 |  |
|  | **Tổng cộng** |  | **36.300** | **1.829.224** |

***b. Thay đổi ban điều hành trong năm* :** Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Huệ - thành viên HĐQT thay bà Vũ Thị Minh.

* Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | : | **Nguyễn Huy Hải** |
| Chức vụ tại Công ty | : | Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty  |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 05/01/1960 |
| Số CMND | : | 135374999 Nơi cấp: CA Vĩnh PhúcCấp ngày 13/05/2004 |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thư­ờng trú | : | Phường Trưng Trắc – TX Phúc Yên – Vĩnh Phúc |
| Trình độ văn hóa | : | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | : |  Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp  |
| Quá trình công tác : |
| ***Thời gian*** | ***Quá trình công tác*** |
| 8/1981 – 9/1982 | Công tác tại văn phòng Công ty 20 Bộ Xây dựng |
| 9/1982 – 8/1984 | Cán bộ xây dựng Ban kiến thiết 5 Xuân Hòa – Bộ Xây dựng |
| 9/1984 – 3/1993 | Kỹ thuật phòng Kỹ Thuật, Đội phó đội xây dựng công trình – Công ty quản lý đô thị Mê Linh |
| 4/1993 – 7/1995 | Đội trưởng đội dịch vụ sửa chữa nhà đô thị Công ty quản lý đô thị Mê Linh |
| 8/1995 – 5/2003 | Phó Giám đốc Công ty quản lý đô thị Mê Linh |
| 5/2003 – 5/2011 | Giám đốc Công ty quản lý đô thị Mê Linh (T1/2004 đổi thành Công ty Môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên) |
| 6/2011 đến nay | Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Phúc Yên  |
|  |  |  |
| **Họ và tên** | : | **Đặng Văn Vịnh** |
| Chức vụ tại Công ty | : | Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc  |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 18/7/1963 |
| Số CMND | : | 135556218 Nơi cấp: CA Vĩnh PhúcCấp ngày 28/4/2008 |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thư­ờng trú | : | Tổ 5 – phường Hùng Vương – TX Phúc Yên – Vĩnh Phúc |
| Trình độ văn hóa | : | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | : |  Kỹ sư xây dựng |
| Quá trình công tác : |
| ***Thời gian*** | ***Quá trình công tác*** |
| 11/1986 – 5/2004 | Kỹ thuật viên Công ty quản lý nhà – công trình công cộng huyện Mê Linh |
| 6/2004 – 8/2005 | Tổ trưởng tổ cây xanh Công ty Môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên |
| 9/2005 – 7/2006 | Phó phòng TC – HC Công ty Môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên |
| 8/2006 – 2/2010 | Trưởng phòng TC – HC Công ty Môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên |
| 3/2010 – 5/2011 | Phó giám đốc Công ty Môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên |
| 6/2011 đến nay | Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Phúc Yên |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | : | **Nguyễn Thị Huệ** |
| Chức vụ tại Công ty | : |  Thành viên HĐQT Trưởng phòng TC - KT |
| Giới tính | : | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | : | 02/02/1982 |
| Số CMND | : | 135001644 Nơi cấp CA Vĩnh Phúc Cấp ngày 15/4/1997 |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thư­ờng trú | : | Vĩnh Thịnh – Vĩnh Tường – Vĩnh Phúc |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : |  Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác : |
| ***Thời gian*** | ***Quá trình công tác*** |
| 10/2005 – 12/2010 | Kế toán Công ty môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên |
| 1/2011 – 5/2012 | Trưởng ban kiểm soát, Kế toán Công ty CP môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên |
| 6/2012 – 2/2013 | Phó phòng Kế toán, Trưởng ban kiểm soát Công ty môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên |
| T3/2013 – nay  | Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP môi trường và công tình đô thị Phúc Yên |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | : | **Nguyễn Duy Khanh** |
| Chức vụ tại Công ty | : |  Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : | 15/7/1966 |
| Số CMND | : | 135831107 cấp ngày 6/3/2013 do CA Vĩnh Phúc |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thư­ờng trú | : | Tổ 8 Phường Trưng Trắc – TX Phúc Yên – Vĩnh Phúc |
| Trình độ văn hóa | : | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | : |  Kỹ sư xây dựng |
| Quá trình công tác : |
| ***Thời gian*** | ***Quá trình công tác*** |
| 6/1987 – 12/1989 | Nhân viên Kỹ thuật Liên hợp xây dựng nhà ở tấm lớn số 2  |
| 1/1990 – 5/1993 | Nhân viên – Chi nhánh điện Phúc Yên |
| 6/1993 - 2003 | Cán bộ kỹ thuật Công ty môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên  |
| 2003 – 5/2011 | Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên |
| 6/2011 - nay | Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch Công ty CP môi trường và công trình đô thị Phúc Yên |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Họ và tên**  | : | **Phan Thu Trang** |
| Chức vụ tại Công ty | : | Thành viên HĐQT – Trưởng phòng HC - TC  |
| Giới tính | : | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | : | 11/8/1980 |
| Số CMND | : | 135004854 cấp ngày 4/2/1997 do CA Vĩnh Phúc cấp |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Địa chỉ thư­ờng trú | : | Thạch Đà – Mê Linh – Hà Nội |
| Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : |  Thạc sỹ quản lý xã hội |
| Quá trình công tác : |
| ***Thời gian*** | ***Quá trình công tác*** |
| 5/2005 – 3/2010 |  Cán bộ phòng TC-HC Công ty môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên |
| 4/2010 – 9/2010 |  Phó phòng TC-HC Công ty môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên |
| 10/2010 – 5/2011  | Trưởng phòng TC-HC Công ty môi trường và dịch vụ đô thị Phúc Yên |
| 6/2011 đến nay | Thành viên HĐQT, Trưởng phòng TC-HC Công ty CP môi trường và công trình đô thị Phúc Yên |

 ***c. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động***

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2013 là 221 người. trong đó:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số người** |
| 1 | Trình độ đại học, cao đẳng | 27 |
| 2 | Trình độ trung cấp | 14 |
| 3 | Công nhân kỹ thuật | 21 |
| 4 | Lao động có tay nghề | 159 |
|  | **Tổng cộng** | **221** |

Chính sách lao động: người lao động đã được ký kết hợp đồng lao động tại công ty sẽ được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ theo Nội quy, quy chế và thỏa ước lao động tập thể của công ty.

1. **Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án lớn**
* Các khoản đầu tư lớn: Không
1. **Tình hình tài chính**
2. ***Tình hình tài chính***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/12/2012** | **31/12/2013** | **% tăng giảm** |
| Tổng giá trị tài sản | 91.202.890.152 | 94.311.340.621 | 103% |
| Doanh thu thuần | 45.342.305.248 | 47.962.963.231 | 105,7% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 830.657.205 | 590.179.563 | 71% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 5.973.478.990 | 2.870.393.722 | 48% |
| Lợi nhuận khác | 37.316 | 241.422.400 |  |
| Lợi nhuận trước thuế | 5.973.516.306 | 3.111.816.122 | 52% |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.928.150.952 | 2.351.931.271 | 48% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 46% | 88% |  |

 ***b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **31/21/2012** | **31/12/2013** | **Ghi chú** |
| 1. *Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*
 |  |  |  |
| * Hệ số thanh toán ngắn hạn:

TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 3,89 | 2,30 |  |
| * Hệ số thanh toán nhanh:

(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 3,81 | 2,28 |  |
| 1. *Chỉ tiêu về cơ cấu vốn*
 |  |  |  |
| * Hệ số Nợ/Tổng tài sản
 | 10,6% | 10,6% |  |
| * Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu
 | 37,4% | 41% |  |
| 1. *Chỉ tiêu về năng lực hoạt động*
 |  |  |  |
| * Doanh thu thuần/Tổng tài sản
 | 0,5 lần | 0,5 lần |  |
| 1. *Chỉ tiêu về khả năng sinh lời*
 |  |  |  |
| * Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần
 | 10,7% | 4,8% |  |
| * Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
 | 19% | 9,5% |  |
| * Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
 | 5,4% | 2,5% |  |
| * Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần
 | 12,9% | 6% |  |

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

 ***a. Cổ phần***

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.073.985 cổ phần

Cổ phần nhà nước : 1.829.224 cổ phần

Cổ phần cổ đông khác: 244.761 cổ phần

Trong đó: Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 86.300 cổ phần

 Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 158.461 cổ phần

 ***b.*** ***Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 31/12/2013***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Cổ đông** | **Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ** | **Số cổ phần** | **Giá trị cổ phần (VND)** |
| I | Cồ phần Nhà nước  | 88,2 | 1.829.224 | 18.292.240.000 |
| II | Cổ phần của tổ chức Công đoàn công ty | 0,7 | 14.561 | 145.610.000 |
| II | Cổ phần của CBCNV công ty | 6,31 | 130.800 | 1.308.000.000 |
| III | Cổ phần của nhà đầu tư ngoài | 4,79 | 99.400 | 994.000.000 |
|  | **TỔNG CỘNG** | **100%** | **2.073.985** | **20.739.850.000** |

 ***c. Giao dịch cổ phiếu quỹ***:Không có

 ***d. Các chứng khoán khác***:Toàn bộ Cổ phiếu Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Phúc Yên là cổ phiếu phổ thông.

# III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

 **1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua một số chỉ tiêu chính năm 2013 như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **KH năm 2013** | **TH năm 2013** | **Tỷ lệ % TH/KHnăm 2013** | **Tỷ lệ % TH 2013/2012** |
| **1** | Tổng doanh thu | tỷ VND | 42 | 48,7 | 115 | 105,7 |
| **2** | Tổng chi phí | tỷ VND | 36,5 | 45,6 | 124 | 113 |
| **3** | Lợi nhuận trước thuế | tỷ VND | 5,5 | 3,1 | 56,4 | 52 |
| **4** | Thuế TNDN | tỷ VND | 1,375 | 0,76 | 55,3 | 73 |
| **5** | LNST | tỷ VND | 4,125 | 2,35 | 57 | 48 |

 Năm 2013, chi phí cho dịch vụ công ích vượt lên so với kế hoạch 24%. Lợi nhuận của Công ty đạt 56,4% so với kế hoạch.

 Nguyên nhân chủ yếu do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, thách thức:

- Sau khi chuyển sang công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu sự cạnh tranh khốc liệt. Để giữ vững được thị trường, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, đòi hỏi Công ty phải đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ công ích trên địa bàn thị xã.

 - Năm 2013, nguồn kinh phí phục vụ cho công tác môi trường đô thị trên địa bàn thị xã bị cắt giảm tiết kiệm 20% chi thường xuyên, nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch nhiều, nguồn kinh phí bố trí cho dịch vụ công ích trên địa bàn thị xã hạn chế, nhiều công việc khối lượng nghiệm thu phải cắt giảm tỷ lệ, tần suất thực hiện.

- Bộ đơn giá dịch vụ công ích được ban hành, tuy nhiên trên thực tế một số hoạt động của đơn vị đang tổ chức thực hiện theo nhiệm vụ được giao nhưng không có đơn giá nên chưa có cơ sở để bảo vệ kế hoạch. Bên cạnh đó đơn giá nhân công chưa được điều chỉnh phù hợp với quy định mức lương tối thiểu vùng theo quy định của nhà nước.

- Hệ thống xe chuyên dùng của công ty đã hết thời gian bảo hành, một số tài sản thời gian sử dụng lâu, hư hỏng nhiều chi phí sửa chữa phát sinh lớn. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND thị xã công ty thay mới trồng hoa theo mùa tại vườn hoa quảng trường, dải phân cách đường Trần Hưng Đạo - phố Sóc Sơn, đặt thêm hệ thống chậu hoa trang trí xung quanh khu vực vườn hoa quảng trường, đài phun nước, vòng tròn 1 Xuân Hòa để phục vụ các dịp lễ tết và các sự kiện chính trị của thị xã.

 - Người dân còn tâm lý trông chờ, ỷ lại Nhà nước về sản xuất và cung ứng dịch vụ công ích. Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công ích đóng góp phí thấp, việc thu phí còn khó khăn.

 **2.Tình hình tài chính**

 ***a. Tình hình tài sản***

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | **Nội dung** | ***2012*** | ***2013*** | ***Tỷ lệ 2013 so với 2012(%)*** |
| *1* | Tổng tài sản | 91.202.890.152 | 94.311.340.621 | 103,4 |
| *2* | Tài sản ngắn hạn | *36.715.875.967* | *23.172.044.835* | 63,1 |
| *3* | *Phải thu ngắn hạn* | *15.799.985.297* | *3.530.554.767* | 22,3 |
| *4* | Tài sản dài hạn | *54.487.014.185* | *71.139.295.786* | 130,5 |
| *5* | *Phải thu dài hạn* | *-* | *-* | *-* |
|  | **Hiệu quả sử dụng tài sản** |  |  |  |
|  | *Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản* | 5,4% | 2,5% |  |
|  | *Doanh thu thuần/ Tổng tài sản* | 0,5 lần | 0,5 lần |  |

Tổng tài sản của Công ty tăng trong năm 2013 lên mức 94,3 tỷ đồng, cao hơn 3,4% so với năm 2012, Tuy nhiên Hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp có phần giảm sút thể hiện qua chỉ tiêu Doanh thu thuần/ Tổng tài sản năm 2013 tương đương năm 2012 nhưng chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản năm 2013 thấp hơn năm 2012.

Các khoản phải thu của Công ty đều là các khoản phải thu ngắn hạn, có khả năng thu hồi cao.

 ***b.*** ***Tình hình nợ phải trả***

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Năm 2012** | **Năm 2013** | ***Tỷ lệ 2013 so với 2012(%)*** |
| **I, Nợ ngắn hạn** | **9.419.831.280** | **10.066.914.877** | **106** |
| 1, Vay và nợ ngắn hạn | - | - | - |
| 2, Phải trả người bán | 983.674.106 | 5.039.017.771 | 512 |
| 3, Người mua trả tiền trước | 3.409.749.000 | 36.000.000 | 1,05 |
| 4, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 1.045.365.354 | 1.059.258.633 | 101,3 |
| 9, Các khoản phải trả, phải nộp khác | 2.521.576.825 | 1.566.708.478 | 62,1 |
| 10, Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | - |  |
| 11, Quỹ khen thưởng phúc lợi | 654.465.995 | 1.900.929.995 | 290,5 |
| **II, Nợ dài hạn** | 240.922.400 | - | - |

Toàn bộ Nợ phải trả của Công ty năm 2013 đều là Nợ ngắn hạn, Tổng các khoản nợ phải trả của Công ty năm 2013 tăng 6% so với 2012. Các khoản nợ của Công ty tập trung vào công nợ của các công trình XDCB do Công ty làm chủ đầu tư đã hoàn thành quyết toán nhưng chưa được ngân sách cấp kinh phí nên đơn vị chưa có nguồn chi trả cho các nhà thầu.

Công ty không phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối do không phát sinh các giao dịch mua bán sử dụng ngoại tệ khác đồng Việt Nam.

Công ty không có rủi ro lãi suất khi khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng có lãi suất ổn định.

 **3. Những cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

 - Những cải tiến về chính sách, quản lý:

 Kiện toàn, bổ nhiệm cán bộ quản lý ở các phòng, đội phù hợp yêu cầu công việc.

 Cử cán bộ công nhân viên các phòng ban tham gia các khoá học nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn.

 Tổ chức các đợt thi đua khen thưởng chào mừng các sự kiện quan trọng là động lực kích thích cán bộ công nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm với công việc và tinh thần đoàn kết tập thể.

 Xây dựng kế hoạch hoạt động năm, quý, tháng.

 Xây dựng chế độ báo cáo trong các buổi họp giao ban hàng tuần và có kết luận giao ban gửi về từng phòng, đội, tổ.

 **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Mở rộng địa bàn phục vụ thu gom, vận chuyển xử lý rác, tưới nước rửa đường và chiếu sáng trên địa bàn thị xã Phúc Yên đáp ứng nhu cầu của nhân dân, phục vụ các xã phường trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

- Đầu tư, xây dựng bãi rác theo quy hoạch của tỉnh Vĩnh Phúc, nâng cao năng lực quản lý, vận hành xử lý rác tại bãi xử lý rác.

- Cải tạo sửa chữa trụ sở đội môi trường số 2 tại khu làm việc mới.

- Trang bị thêm một số phương tiện khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý và nhu cầu công việc khi cần thiết.

# IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##  **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Năm 2013, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức song toàn thể CBCNV công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị được UBND tỉnh, UBND thị xã giao cho. Các chỉ tiêu pháp lệnh đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, thu nhập người lao động ổn định, đảm bảo hài hòa lợi ích người lao động, nhà nước và các cổ đông. Thị xã Phúc Yên có một diện mạo mới: đường phố ngày càng khang trang, xanh sạch đẹp; điện chiếu sáng công cộng đã chiếu sáng phần lớn các tuyến phố, ngõ xóm; cây hoa, thảm màu được trồng trang trí theo mùa; các công trình phúc lợi công cộng sạch đẹp, văn minh góp phần xây dựng thị xã Phúc Yên xứng tầm là vùng kinh tế trọng điểm, vị trí cửa ngõ văn hóa chính trị và du lịch của tỉnh Vĩnh Phúc.

HĐQT, ban giám đốc đã luôn chủ động trong việc ký kết hợp đồng đặt hàng cung cấp các dịch vụ đô thị với UBND thị xã Phúc Yên. Do đó, công tác điều hành SXKD luôn chủ động tạo điều kiện mở rộng địa bàn sản xuất, thu hút thêm lao động.

 **2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

 - Ổn định SXKD và xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn.

**-** Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, giữ vững thương hiệu, địa bàn sản xuất kinh doanh của công ty.

- Cổ tức hàng năng không thấp hơn lãi suất tiền gửi bình quân liên ngân hàng (thời hạn 12 tháng).

- Khai thác sử dụng có hiệu quả phương tiện, trang thiết bị hiện có, đầu tư trang bị thêm cơ sở vật chất trang thiết bị đáp ứng yêu cầu SXKD, đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh theo yêu cầu.

# V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

##  **1. Hội đồng quản trị**

 ***a. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong suốt năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên** | **Chức danh** | **Số CP sở hữu** | **Số cổ phần NN ủy quyền** |
| 1 | Nguyễn Huy Hải | Chủ tịch HĐQT – Giám đốc | 11.800 | 823.152 |
| 2 | Đặng Văn Vịnh | Thành viên HĐQT – Phó giám đốc | 10.200 | 457.306 |
| 3 | Nguyễn Thị Huệ | Thành viên HĐQT – TP TC-KT | 1.400 | 182.922 |
| 4 | Nguyễn Duy Khanh | Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Kế hoạch | 3.200 | 182.922 |
| 5 | Phan Thu Trang | Thành viên HĐQT – Trưởng phòng TC-HC | 1.400 | 182.922 |

 ***b. Hoạt động của HĐQT***

HĐQT đã bảo đảm duy trì chế độ họp hàng tháng, thực hiện tốt chế độ dân chủ trong các cuộc họp, kịp thời bàn bạc giải quyết những vấn đề phát sinh phục vụ SXKD.

Các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của điều lệ.

HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của ban điều hành để đảm bảo bộ máy hoạt động của công ty vận hành theo đúng mục tiêu và kế hoạch đã được đại hội cổ đông thường niên thông qua.

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013. Chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và đạt được những kết quả cao so với kế hoạch đề ra.

Trong năm 2013, HĐQT đã tiến hành 12 phiên họp, ra 6 nghị quyết để kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, các phòng chức năng. Điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu vốn theo quyết định số 2610/QĐ-CT ngày 30/09/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần và quyết định các vấn đề về SXKD. Tất các các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tuân thủ điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. HĐQT thường xuyên giám sát tạo điều kiện để giám đốc điều hành tổ chức thực thi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT góp phần quan trọng vào việc ổn định tổ chức, ổn định sản xuất trong năm 2013.

 **2. Ban Kiểm soát**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên** | **Chức danh** | **Số cổ phần sở hữu** |
| 1 | Đặng Thị Bích Vân | Trưởng ban kiểm soát | 1.200 |
| 2 | Vũ Khắc Thuần | Thành viên BKS | 3.300 |
| 3 | Ngô Xuân Nhận | Thành viên BKS | 3.800 |

Hoạt động của Ban kiểm soát:

 **-** BKS được HĐQT - BGĐ công ty mời tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, BGĐ, Tham gia đóng góp ý kiến vào việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013, Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2014 cũng như các buổi họp thường kỳ hàng tháng, Họp đột xuất về việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD của công ty.

 - BKS tiến hành họp thường kỳ hàng quý để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong tháng, quý.

 - BKS thực hiện vai trò kiểm tra các báo cáo sơ, Tổng kết hoạt động SXKD, Báo cáo tài chính năm 2013 trước khi kiểm toán và sau kiểm toán.

 - BKS thực hiện vai trò giám sát việc chỉ đạo, Điều hành tổ chức thực hiện hoạt động SXKD của HĐQT, BGĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty.

 - BKS thực hiện vai trò giám sát trong công tác đầu tư XDCB, Mua sắm thanh lý sửa chữa, phương tiện, tài sản, trang thiết bị của công ty; chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm; việc công bố thông tin theo quy định của luật chứng khoán và các văn bản liên quan, việc trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

##  **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

 ***a. Tiền Lương, Thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Quyết toán năm 2013 (đ)** |
| I | Thù lao | 120.960.000 |
| *1* | *HĐQT* | *85.680.000* |
| *2* | *Ban kiểm soát* | *35.280.000* |
| II | Tổng thu nhập của HĐQT và Ban giám đốc | 990.269.730 |

 ***b. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ***: Không

 Trên đây là báo cáo thường niên năm 2013 của Công ty CP môi trường và công trình đô thị Phúc Yên.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:*** | CHỦ TỊCH HÐQT KIÊM GIÁM ÐỐC |
| - Cổ đông;- ỦY ban chứng khoán Nhà nước; | ***(Đã ký)*** |
| - HĐQT, BGĐ Công ty; |
| - Lưu: VT. |
|  |
|  |
|  | **Nguyễn Huy Hải** |